

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/LĐ-ST  
Ngày 27/12/2022  
V/v: Tranh chấp hợp đồng lao động

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đào Xuân Thịnh

2. Bà Nguyễn Thị Nhân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lương Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 24/2022/TLST-LĐ ngày 07/10/2022 về việc tranh chấp hợp đồng lao động theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **05/2022/QĐXXST-LĐ** ngày 25/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: **05/2022/QĐST-LĐ** ngày 12/12/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T do ông Đặng Thái H- Chức vụ: Giám đốc đại diện theo pháp luật; địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:***

Chị là công nhân làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T (Công ty TNHH T), khi vào làm việc chị không ký hợp đồng lao động bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng với công ty T là chị vào làm tại công ty với vị trí tổ đập ngói, thời gian làm việc 08h/ngày, lương khoán theo sản phẩm. Quá trình làm việc thì công ty có trả lương chị đầy đủ nhưng kể từ ngày 01/8/2020 đến 30/8/2020 thì công ty không trả lương cho chị nữa. Tổng công ty còn nợ chị 3.651.000 đồng tiền lương. Nay chị yêu cầu ông Hòa là giám đốc đại diện cho công ty T trả chị số tiền lương còn nợ là 3.651.000 đồng.

Ngoài ra, chị Nguyễn Thị T không có yêu cầu nào khác.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho Công ty TNHH T, nhưng Công ty TNHH T không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc.

- Ngày 08/11/2022, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty TNHH T vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ngày 24/11/2022, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty TNHH T vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, Công ty TNHH T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 23, Điều 47 và Điều 90 Bộ luật lao động năm 2012; điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Trọng số tiền lương còn nợ là 3.651.000 đồng.

Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau nghe khi ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là Công ty TNHH T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH T có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 8 năm 2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 7 năm

2015 có trụ sở chính tại thôn Q, xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 32, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị Nguyễn Thị T yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán tiền lương. Do vậy xác định đây là quan hệ tranh chấp tiền lương theo quy định tại điểm a, khoản 1 **Điều 32 Bộ luật tố tụng** dân sự.

[4] *Về áp dụng pháp luật*: Thời điểm các bên xác lập quan hệ lao động Bộ luật lao động năm 2012 có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Bộ luật lao động năm 2012 để giải quyết vụ án.

[5] *Về nội dung vụ án*:

Chị Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T phải trả cho chị số tiền lương còn nợ là 3.651.000 đồng.

[6] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T thì thấy*:

Căn cứ vào tài liệu và lời khai mà nguyên đơn cung cấp. Có căn cứ để xác định chị Trọng vào làm việc tại Công ty TNHH T nhưng giữa hai bên không ký hợp đồng lao động bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng là vi phạm quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 23 Bộ luật lao động 2012. Nhưng việc chấp dứt hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị T và Công ty TNHH T không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại bảng kê chi tiết tiền lương tháng 8 năm 2020 đã được Công ty TNHH T ban hành có nội dung công ty còn nợ chị T một tháng. Cụ thể: Tháng 8/2020 nợ tiền lương số tiền là 3.651.000 đồng. Phía Công ty TNHH T xác nhận còn nợ chị Nguyễn Thị T một tháng tiền lương nêu trên là 3.651.000 đồng. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T phải trả cho chị Nguyễn Thị T tổng số tiền lương là 3.651.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn chẵn*) là phù hợp **với Điều 15 của Bộ** luật lao động.

[7] *Về án phí*: Do yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được chấp nhận, nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là **300.000** đồng.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

1. *Căn cứ:* Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 23, Điều 47 và Điều 90 Bộ luật lao động năm 2012; điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. *Xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền lương còn nợ là 3.651.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn chẵn*).

3. *Về án phí:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T phải chịu **300.000** đồng án phí lao động sơ thẩm.

4. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án:* Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

5. *Hướng dẫn thi hành án:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc Oanh**